

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/DS -ST

Ngày: 08-6-2023

*V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
về vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Nguyễn Thị Thơm**.

2/ Ông **Trần Văn Bình**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ánh Nguyệt** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Trúc Ly** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 tháng 5 và ngày 08 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Ngọc M**, sinh năm 1970. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:*

2.1. Chị **Hồ Thị L**, sinh năm 1978. (vắng mặt)

2.2. Anh **Trần An K**, sinh năm 1976. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp L, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

3. *Người làm chứng:* Bà **Đỗ Thị Bé T**, sinh năm 1967. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 13/01/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M trình bày: Do quen biết với nhau nên bà có cho chị Hồ Thị L và anh Trần An K vay nhiều lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 10/4/2021, bà có cho chị L, anh K vay số tiền 60.000.000đ, có làm biên nhận do chị L viết và ký tên, chị L có trả lãi cho bà đến ngày 10/5/2022 thì ngưng.

Lần 2: Vào ngày 10/8/2021, bà có cho chị L, anh K vay số tiền 55.000.000đ, có làm biên nhận do chị L viết và ký tên, chị L có trả lãi cho bà đến ngày 10/5/2022 thì ngưng.

Lần 3: Vào ngày 28/5/2022, bà có cho chị L, anh K vay số tiền 40.000.000đ, có làm biên nhận nhưng chị L không ký tên mà có bà Đỗ Thị Bé Tý chứng kiến, chị L chưa trả lãi cho bà từ khi vay đến nay.

Nay bà khởi kiện yêu cầu chị Hồ Thị L và anh Trần An K có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay còn nợ vốn 155.000.000đ và lãi của các khoản vay như sau:

- Khoản vay 60.000.000đ: $60.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 12 \text{ tháng}$ (tính từ 10/5/2022 đến ngày 08/6/2023) = 5.976.000đ.

- Khoản vay 55.000.000đ: $55.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 12 \text{ tháng}$ (tính từ 10/5/2022 đến ngày 08/6/2023) = 5.478.000đ.

- Khoản vay 40.000.000đ $\times 0,83\%/tháng \times 12 \text{ tháng}$ (tính từ 28/5/2022 đến ngày 08/6/2023) = 3.984.000đ.

Tổng các khoản tiền lãi là 15.438.000đ.

Tổng cộng vốn, lãi là 170.438.000đ.

Người làm chứng bà Đỗ Thị Bé T trình bày: Bà có chứng kiến trực tiếp việc chị Hồ Thị L vay của bà Nguyễn Thị Ngọc M số tiền 40.000.000đ, vay tại quán của bà.

Các chứng cứ mà các bên giao nộp đã được tiếp cận, công khai chứng cứ. Các bên không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Về trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn không có trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có mặt theo giấy triệu tập của Toà án, không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị:

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M. Buộc chị Hồ Thị L và anh Trần An K có nghĩa vụ liên đới trả bà Nguyễn Thị Ngọc M số tiền vay vốn, lãi tổng cộng là 170.438.000đ (Trong đó tổng tiền vốn đã vay 03 lần: 155.000.000đ, tổng tiền lãi vay 03 lần 15.438.000đ).

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hồ Thị L và anh Trần An K có nghĩa vụ liên đới nộp 8.521.900đ. Hoàn trả bà Nguyễn Thị Ngọc M số tiền tạm ứng án phí 4.164.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003871 ngày 13/01/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Hồ Thị L và anh Trần An K có địa chỉ cư trú ấp L, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long trả lại số tiền vay còn nợ theo Biên nhận vay tiền ngày 10/4/2021, ngày 10/8/2021 và ngày 28/5/2022. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[1.2] Bị đơn chị Hồ Thị L và anh Trần An K được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do mà không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Vào ngày 10/4/2021 bà Nguyễn Thị Ngọc M có cho chị Hồ Thị L vay số tiền 60.000.000đ, ngày 10/8/2021 cho chị L vay tiếp 55.000.000đ, cả hai lần vay đều có làm biên nhận do chị L viết và ký tên. Ngày 28/5/2022 bà M có cho chị L vay 40.000.000đ, có ghi biên nhận nhưng chị L không có ký tên. Các lần vay đều không thỏa thuận lãi suất. Tòa án đã triệu tập bị đơn chị Hồ Thị L và anh Trần An K để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn chị L, anh K vẫn vắng mặt không có lý do, không trình bày văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu của nguyên đơn đưa ra. Mặc

khác nguyên đơn xuất trình được các biên nhận do chị L ký tên và với khoản vay 40.000.000đ tuy chị L không ký tên nhưng người làm chứng bà Đỗ Thị Bé T có chứng kiến sự việc. Do vậy thực tế việc vay tiền có xảy ra, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Xét quá trình thực hiện hợp đồng đến nay bị đơn chị L, anh K vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Nguyên đơn đã đến đòi nhiều lần nhưng bị đơn không trả là vi phạm nghĩa vụ trả tiền được quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Xét chị L và anh K là người sống chung hộ gia đình và là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 21/11/2018 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long và việc vay tài sản của bị đơn cũng nhằm lo cho sinh hoạt thiết yếu trong gia đình. Do đó trách nhiệm trả nợ là của chung vợ chồng là phù hợp quy định tại Điều 27, khoản 1 Điều 30 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó việc nguyên đơn bà M yêu cầu bị đơn chị L, anh K phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vốn vay còn nợ 155.000.000đ và yêu cầu trả lãi 15.438.000đ là có căn cứ phù hợp theo quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận. Nên Hội đồng xét xử xét buộc bị đơn chị L, anh K có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà M số tiền vay còn nợ vốn, lãi tổng cộng là 170.438.000đ (*Một trăm bảy mươi triệu bốn trăm ba mươi tám ngàn đồng*).

[2.3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 5, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể chị L và anh K có nghĩa vụ liên đới nộp $170.438.000đ \times 5\% = 8.521.900đ$ (*Tám triệu năm trăm hai mươi một ngàn chín trăm đồng*).

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã 4.164.000đ (*Bốn triệu một trăm sáu mươi bốn ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0003871 ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

[2.4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ so với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, khoản 1 Điều 30 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M.

Buộc bị đơn chị Hồ Thị L và anh Trần An K có nghĩa vụ liên đới trả nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M số tiền vay còn nợ vốn và lãi tổng cộng là 170.438.000đ (*Một trăm bảy mươi triệu bốn trăm ba mươi tám ngàn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc chị Hồ Thị L và anh Trần An K có nghĩa vụ liên đới nộp 8.521.900đ (*Tám triệu năm trăm hai mươi một ngàn chín trăm đồng*).

2.2. Hoàn trả bà Nguyễn Thị Ngọc M số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.164.000đ (*Bốn triệu một trăm sáu mươi bốn ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0003871 ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Chi cục THADS huyện Trà Ôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thúy An